

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 08-8-2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân

Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm thụ lý số 12/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXPT-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đào Chung T, sinh năm 1994 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 06, khu phố P, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị Lương T, sinh năm 2000 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Tổ 3, ấp R, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 3, thị trấn K, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Người kháng cáo: Bị đơn chị Đỗ Thị Lương T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Đào Chung T trình bày:

Anh Đào Chung T và chị Đỗ Thị Lương T sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2019 ngày 05/3/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn kéo dài dẫn đến vợ chồng không có sự quan tâm lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ khoảng tháng

6/2021 đến nay anh chị đã không còn chung sống cùng nhau. Nay xác định không còn tình cảm nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Đỗ Thị Lương T.

Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Hương G, sinh ngày 22/9/2018, con hiện nay đang ở cùng chị Đỗ Thị Lương T. Do con còn nhỏ nên anh T đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng, anh T đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Đỗ Thị Lương T trình bày:

Chị T và anh T có quan hệ tình cảm từ khi chị T chưa đủ 18 tuổi, khi chị T có thai thì hai bên gia đình tổ chức đám hỏi và anh chị về sống chung với nhau tại nhà của gia đình chị T. Đến năm 2019 thì anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 2018 đến tháng 6/2021 thì vợ chồng có chuyện bất đồng nên xảy ra cãi nhau, sau đó anh T bỏ đi nơi khác sống đến nay. Sau một thời gian ly thân thì anh T xin ly hôn. Chị T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Đối với con chung tên Đỗ Hương G, sinh ngày 22/9/2018 hiện nay con đang sống cùng chị T nên chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con.

* Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T chấp nhận mức cấp dưỡng do anh T đưa ra là 3.000.000đ/tháng. Tuy nhiên, chị có các yêu cầu cấp dưỡng như sau:

- Quá trình chung sống anh T đi làm có thu nhập nhưng không đưa tiền cho chị T nuôi con nên chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng từ khi chị mang thai, sinh con, nuôi dưỡng con đến nay là 04 năm (48 tháng) x 3.000.000đ/tháng = 144.000.000 đồng.

- Từ nay đến khi con chung đủ 18 tuổi tổng thời gian 14 năm (168 tháng) chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng 1 lần, 168 tháng x 3.000.000đ/tháng = 504.000.000 đồng.

Tổng cộng hai khoản trên là 648.000.000đ (Sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về con chung: Giao con chung Đỗ Hương G, sinh ngày 22/9/2018 cho chị Đỗ Thị Lương T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đào Chung T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Đỗ Hương G mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Không chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Lương T về việc yêu cầu anh Đào Chung T cấp dưỡng nuôi con 144.000.000 đồng từ khi mang thai đến nay.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về quan hệ hôn nhân, quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con và người không trực tiếp nuôi con, án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án sơ thẩm bị kháng cáo như sau:

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, bị đơn chị Đỗ Thị Lương T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị cấp phúc thẩm tuyên buộc anh Đào Chung T phải cấp dưỡng nuôi con trong thời gian 04 năm anh T và chị T sống chung (từ khi chị T mang thai là năm 2018 đến khi anh T khởi kiện ly hôn) với số tiền 144.000.000 đồng do anh T không đóng góp nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng, yêu cầu anh T cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Nguyên đơn anh Đào Chung T có đơn xin xét xử vắng mặt và nêu ý kiến đối với yêu cầu kháng cáo của chị T như sau:

Đối với yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con trong thời gian 04 năm anh T và chị T sống chung thì anh T không đồng ý. Anh T chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 3.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và đồng ý với yêu cầu của chị T về việc cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng.

- Bị đơn chị Đỗ Thị Lương T rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con trong thời gian 04 năm anh T và chị T sống chung với số tiền 144.000.000 đồng. Đối với yêu cầu kháng cáo yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 hàng tháng thì chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về nội dung:

Tại phiên toà, chị T rút một phần yêu cầu kháng cáo yêu cầu anh T cấp dưỡng trong thời gian 04 năm với số tiền 144.000.000 đồng. Việc rút yêu cầu kháng cáo của chị T là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 308, Điều 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung này.

Đối với yêu cầu của chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng. Xét thấy yêu cầu này của chị T là chính đáng, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T về phần này, sửa bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của nguyên đơn anh Đào Chung T: Toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đối với anh T để tham gia phiên tòa nhưng anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và đã trình bày đầy đủ ý kiến của mình đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đào Chung T.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn chị Đỗ Thị Lương T đã rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc yêu cầu anh Đào Chung T phải cấp dưỡng nuôi con trong thời gian 04 năm anh T và chị T sống chung (từ khi chị T mang thai là năm 2018 đến khi anh T khởi kiện ly hôn) với số tiền 144.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu kháng cáo này của chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm về phần này.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của chị T về nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng:

Tại bản án sơ thẩm đã tuyên buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, tính từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T đồng ý với nội dung này, chỉ kháng cáo yêu cầu anh T thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 hàng tháng để đóng tiền học phí cho con. Xét thấy, yêu cầu này của chị T là chính đáng, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật. Đồng thời, tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 04/8/2022, anh T cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 hàng tháng theo yêu cầu của chị T. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của chị T được chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung này.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên chị Đỗ Thị Lương T không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 289, khoản 2 Điều 296, khoản 2, 5 Điều 308, Điều 309 và 312 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Đỗ Thị Lương T về việc yêu cầu anh Đào Chung T cấp dưỡng nuôi con trong thời gian 04 năm anh T và chị T sống chung (từ khi chị T mang thai đến khi khởi kiện ly hôn) với số tiền 144.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Đỗ Thị Lương T về việc yêu cầu anh Đào Chung T thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 hàng tháng;

Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước về cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Anh Đào Chung T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đỗ Hương G mỗi tháng 3.000.000 đồng, vào ngày 10 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực (ngày 08/8/2022) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm:

Chị Đỗ Thị Lương T không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013830 ngày 06/5/2022.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, T.GĐ&NCTN
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thư